

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	QUẢN TRỊ LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG		
Mã học phần:	71SCMN40373	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71SCMN40373_01; 241_71SCMN40373_02		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/11/2024.**

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV được tham khảo tài liệu file cứng và file mềm.
- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 2	Hiểu và áp dụng các yếu tố ảnh hưởng đến dịch vụ khách hàng; các vấn đề cơ bản trong quản trị chuỗi cung ứng trong phân tích và giải quyết vấn đề doanh nghiệp	Trắc nghiệm	20%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm	2	
CLO 3	Giao tiếp với người khác một cách hiệu quả (bằng ngôn ngữ, cử chỉ, điện thoại, văn bản); đồng thời phối hợp thuận thực với các thành viên khác trong quá trình làm việc nhóm	Trắc nghiệm	20%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm	2	
CLO 4	Phân tích và đề xuất giải pháp cho các vấn đề cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng xung quanh các khía cạnh vận tải, sản xuất, tồn kho, và sự phối hợp trong chuỗi.	Tự luận	60%	Câu hỏi tự luận	6	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi**PHẦN TRẮC NGHIỆM (16 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 0.25)****1. Trong phạm vi chương trình học, yếu tố dịch vụ khách hàng trong giai đoạn nào liên quan đến hàng tồn kho**

- A. Trong giao dịch
- B. Trước giao dịch
- C. Sau giao dịch
- D. Tất cả các đáp án đúng

ANSWER: A

2. Chính sách chiết khấu theo lượng mua thuộc rào cản nào

- A. Rào cản do giá
- B. Rào cản động cơ
- C. Rào cản xử lý thông tin
- D. Rào cản hành vi

ANSWER: A

3. Để giữ khách hàng, công ty cần phải thực hiện tốt nhất chất lượng dịch vụ khách hàng, chẳng hạn

- A. Tất cả các đáp án đúng
- B. Làm cho khách hàng tin tưởng vào khả năng phục vụ của mình và khiến họ tin rằng họ có thể được cung cấp dịch vụ như đã hứa
- C. Tạo niềm tin đối với khách hàng

D. Làm cho khách hàng thoải mái

ANSWER: A

4. Xây dựng quan hệ khách hàng thông qua nhiều yếu tố, trong đó

A. Tất cả các đáp án đúng

B. Truyền thông

C. Tư vấn

D. Đào tạo

ANSWER: A

5. Đối với VMI (Vendor Managed Inventory), tồn kho thuộc sở hữu của:

A. Nhà cung ứng hoặc nhà sản xuất

B. Nhà bán lẻ.

C. Nhà cung ứng

D. Nhà sản xuất

ANSWER: A

6. Mục tiêu của mọi chuỗi cung ứng là

A. Tối đa hóa giá trị ròng được tạo ra

B. Tối thiểu hóa tổng chi phí

C. Giảm thiểu chi phí cho nhà sản xuất

D. Tối đa hóa lợi nhuận của nhà sản xuất

ANSWER: A

7. Phân loại theo hình thức, logistics gồm

A. 1PL, 2PL, 3PL, 4PL, 5PL

B. Logistics đầu vào, logistics đầu ra

C. Logistics hàng tiêu dùng nhanh, logistics ngành ô tô, logistics hóa chất, logistics hàng điện tử, logistics dầu khí

D. Logistics đơn giản, logistics phức tạp

ANSWER: A

8. Giá trị khách hàng là

A. Tổng thặng dư của chuỗi cung ứng và chi phí của chuỗi cung ứng

B. Phần còn lại sau khi chi phí chuỗi cung ứng được trừ vào thặng dư chuỗi cung ứng

C. Phần còn lại sau khi thặng dư chuỗi cung ứng được trừ vào chi phí chuỗi cung ứng

D. Lợi nhuận của chuỗi cung ứng trừ đi chi phí của chuỗi cung ứng.

ANSWER: A

9. Phân loại theo quá trình, logistics gồm

A. Logistics đầu vào, logistics đầu ra, logistics ngược

B. 1PL, 2PL, 3PL, 4PL, 5PL

C. Logistics đơn giản, logistics phức tạp

D. Logistics hàng tiêu dùng nhanh, logistics ngành ô tô, logistics hóa chất, logistics hàng điện tử, logistics dầu khí

ANSWER: A

10. Vai trò chủ yếu của logistics trong quản trị chuỗi cung ứng là

- A. Điều phối các dòng chảy một cách hiệu quả (effective) và hiệu năng (efficient)
- B. Tối ưu hoá giá trị trong chuỗi cung ứng
- C. Đưa hàng ra thị trường càng nhiều càng tốt
- D. Thoả mãn nhu cầu khách hàng

ANSWER: A

11. Nhìn chung hệ thống logistics của bất kỳ doanh nghiệp nào thường sẽ sử dụng

- A. Nhiều tài sản cố định
- B. Nhiều tài sản lưu động
- C. Nhiều dòng vốn kinh doanh
- D. Toàn bộ các đáp án đúng

ANSWER: A

12. Logistics là

- A. Quy trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát quá trình lưu chuyển và dự trữ hàng hoá, dịch vụ,..., từ điểm xuất phát đầu tiên đến nơi tiêu thụ cuối cùng sao cho hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của khách hàng
- B. Thực hiện vai trò của mình trong chuỗi cung ứng
- C. Đưa hàng ra thị trường
- D. Làm thoả mãn khách hàng

ANSWER: A

13. Logistics 1PL hiểu là

- A. Tất cả các đáp án đúng
- B. Hình thức phân loại logistics theo quá trình
- C. Các công ty tự thực hiện các hoạt động logistics của mình
- D. Các công ty tự thân vận động dựa vào cơ sở sẵn có của mình

ANSWER: A

14. Chuỗi cung ứng được đặc trưng bởi

- A. Dòng hàng hóa xuôi
- B. Dòng hàng hóa ngược
- C. Dòng tiền xuôi
- D. Dòng thông tin xuôi

ANSWER: A

15. Hàng dự trữ nào dùng để bù đắp vào những nhu cầu không ổn định?

- A. Hàng dự trữ dự phòng
- B. Hàng dự trữ trong quá trình vận chuyển
- C. Hàng dự trữ định kỳ
- D. Hàng dự trữ đầu cơ

ANSWER: A

16. Đặc điểm nổi bật của vận tải đường biển là:

- A. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích lớn, rủi ro tai nạn ở mức độ trung bình, giá thành thấp
- B. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp, giá thành cao nhất

C. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích lớn, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành cao nhất

D. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp nhất, giá thành thấp.

ANSWER: A

.....

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)

Công ty XYZ chuyên cung cấp thiết bị may mặc có nhu cầu hàng năm là 97.000 sản phẩm. Chi phí đặt hàng 1 lần là 11 USD/lần. Chi phí lưu kho là 1,2 USD/sản phẩm/năm. Công ty làm việc 1 năm 280 ngày.

Hãy xác định (lưu ý: các phép tính làm tròn đến 2 số lẻ):

Câu hỏi 1: (1 điểm): Tóm tắt đề bài.

Câu hỏi 2: (1 điểm): Công ty nên đặt hàng một lần bao nhiêu để đạt chi phí tối ưu (Tính EOQ)?

Câu hỏi 3: (1 điểm): Với EOQ vừa tìm được, công ty đặt hàng mấy lần một năm?

Câu hỏi 4: (1 điểm): Tính theo ngày làm việc, bao lâu đặt hàng 1 lần?

Câu hỏi 5: (1 điểm): Tính tổng chi phí bao gồm chi phí đặt hàng và chi phí lưu kho?

Câu hỏi 6: (1 điểm): Nếu mỗi lần đặt hàng, chi phí vận tải để đưa hàng về kho người mua là 20USD/ lần. Tính tổng chi phí bao gồm chi phí đặt hàng, chi phí vận tải và chi phí lưu kho.

.....

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1 – 16		0.25	
.....			
II. Tự luận		6.0	
Nội dung 1.	Tóm tắt đề bài: - Nhu cầu hàng năm: $D = 97.000$ sản phẩm - Chi phí đặt hàng: $S = 11$ USD/lần - Chi phí lưu kho: $H = 1,2$ USD/sản phẩm/năm - Ngày làm việc 1 năm: $N = 280$ ngày	1.0	
Nội dung 2.	Công ty nên đặt hàng một lần bao nhiêu để đạt chi phí tối ưu (EOQ)? $EOQ = \sqrt{2 \times S \times D / H}$ $= \sqrt{2 \times 97.000 \times 11 / 1,2}$ $= 1.333,54 \text{ sản phẩm}$	1.0	

Nội dung 3.	Với EOQ vừa tìm được, công ty đặt hàng mấy lần một năm? $\text{Số lần đặt hàng một năm} = D/\text{EOQ}$ $= 97.000 / 1.333,54$ $= 72,74 \text{ lần}$	1.0	
Nội dung 4.	Tính theo ngày làm việc, bao lâu đặt hàng 1 lần? $\text{Khoảng cách thời gian giữa 2 lần đặt hàng}$ $= \text{Số ngày làm việc} / \text{số lần đặt hàng}$ $= 280 / 72,74 = 3,85 \text{ ngày}$	1.0	
Nội dung 5.	Tính tổng chi phí bao gồm chi phí đặt hàng và chi phí lưu kho? $\text{Chi phí đặt hàng} = D \times S / \text{EOQ}$ $= (97.000 \times 11) / 1.333,54$ $= 800,13 \text{ USD}$ $\text{Chi phí lưu kho} = \text{EOQ} \times H / 2$ $= (1.333,54 \times 1,2) / 2$ $= 800,12 \text{ USD}$ $\text{Tổng chi phí} = 800,13 + 800,12 = 1600,25 \text{ USD}$	1.0	
Nội dung 6.	Nếu mỗi lần đặt hàng, chi phí vận tải để đưa hàng về kho người mua là 20USD/ lần. Tính tổng chi phí bao gồm chi phí đặt hàng, chi phí vận tải và chi phí lưu kho. $\text{Chi phí vận tải là: } 72,74 \text{ lần} \times 20 \text{ USD/lần} = 1.454,80 \text{ USD}$ $\text{Tổng chi phí} = 1600,25 \text{ USD} + 1.454,80 \text{ USD} = 3.055,05 \text{ USD}$	1.0	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



Th.S Nguyễn Viết Tịnh

ThS Hồ Thị Phương Thảo